

QUY ĐỊNH

**Mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát
thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 49 /2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Quy định chung

1. Đối tượng áp dụng

- a) Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã;
b) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
Ủy ban nhân dân các xã, phường khi thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Phạm vi áp dụng

a) Các quy định này được áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

b) Không áp dụng đối với:

- Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

- Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính, thủ tục thanh tra, thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

Điều 2. Mức chi

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
I	Chi cập nhật, công bố, công khai, kiểm soát chất lượng và duy trì Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính			
1	Chi cập nhật thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính		Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
			năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước	
2	Chi công bố, công khai thủ tục hành chính		Căn cứ hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp	
II	Chi lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	Đồng/văn bản	350.000	170.000
III	Chi cho các hoạt động rà soát độc lập các quy định về thủ tục hành chính			
1	Chi lập mẫu rà soát			
a	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	Đồng/mẫu phiếu	750.000	
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/mẫu phiếu	1.000.000	
c	Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/mẫu phiếu	1.500.000	
2	Chi điền mẫu rà soát			
2.1	Đối với cá nhân			
a	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	30.000	
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	40.000	
c	Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	50.000	
2.2	Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định)			
a	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	60.000	
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	70.000	
c	Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	80.000	
2.3	Đối với tổ chức là cơ quan, đơn vị của nhà nước	Đồng/phiếu	Mức chi bằng 50% mức chi quy định tại tiểu mục 2.2 mục 2 phần III	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
IV	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính			
1	Người chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	150.000	100.000
2	Các thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	100.000	50.000
V	Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành, lĩnh vực			
1	Thuê theo tháng	Đồng/người/tháng	5.000.000	
2	Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản	Đồng/văn bản	400.000	
VI	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực	Đồng/báo cáo	7.000.000	1.500.000
VII	Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ khen thưởng		
VIII	Chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ,...	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		
IX	Chi giải thưởng các cuộc thi liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính			
1	Chi giải tập thể			
1.1	Giải nhất	Đồng/giải	10.000.000	5.000.000
1.2	Giải nhì	Đồng/giải	7.500.000	3.750.000
1.3	Giải ba	Đồng/giải	5.250.000	2.250.000
1.4	Giải khuyến khích	Đồng/giải	3.000.000	1.500.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
2	Chi giải cá nhân			
2.1	Giải nhất	Đồng/giải	6.000.000	2.200.000
2.2	Giải nhì	Đồng/giải	3.000.000	1.500.000
2.3	Giải ba	Đồng/giải	2.250.000	1.050.000
2.4	Giải khuyến khích	Đồng/giải	1.050.000	520.000
X	Chi dịch thuật	Thực hiện theo Điều 9 Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên, ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh		
XI	Chi làm thêm giờ	Thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật hiện hành		
XII	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, xã, phường	Đồng/người/ngày	20.000	15.000
XIII	Chi tổ chức hội nghị; chi các đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính ở trong nước	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên		
XIV	Chi tổ chức các đoàn ra nước ngoài tìm hiểu nghiên cứu, học tập kinh nghiệm kiểm soát thủ tục hành chính	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí		
XV	Chi điều tra, khảo sát về công tác kiểm soát thủ tục hành chính			
1	Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê theo phương thức khoán			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1.1	Chi xây dựng phương án Điều tra thống kê và lập mẫu phiếu Điều tra thống kê (Căn cứ quy mô, tính chất điều tra, cơ quan chủ trì quyết định mức chi phù hợp)	Đồng/phương án	Tối đa 7.000.000	
1.2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê (Căn cứ quy mô, tính chất điều tra, cơ quan chủ trì quyết định mức chi phù hợp)	Đồng/cuộc	Tối đa 5.000.000	
2	Chi tiền công			
2.1	Chi tiền công thuê ngoài			
a	Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được Điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc Điều tra thống kê được tiến hành Điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc Điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được Điều tra thống kê theo quy định của phương án Điều tra thống kê), thu thập số liệu Điều tra thống kê, phúc tra phiếu Điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường	Đồng/người/ngày	Mức tiền công thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính bằng 70% theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê	
b	Thuê người dẫn đường không phải phiên dịch	Đồng/người/ngày	Mức tiền công tính bằng 70% mức tiền công quy định tại tiết a, tiểu mục 2.1 mục 2 phần XV	
2.2	Trường hợp công chức xã, phường tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê	Đồng/người/ngày	Mức tiền công tính bằng 50% mức tiền công quy định tại tiết a, tiểu mục 2.1 mục 2 phần XV	
2.3	Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp,	Đồng/người/ngày	Mức tiền công tính bằng 50% mức tiền công quy định tại tiết a, tiểu mục 2.1 mục 2 phần XV	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê			
	Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính	Đồng/người/ngày	Mức tiền công tính bằng mức tiền công quy định tại tiết a, tiểu mục 2.1 mục 2 phần XV và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí	
3	Chi đối tượng cung cấp thông tin			
3.1	Đối với cá nhân			
a	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	30.000	
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	40.000	
c	Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	50.000	
3.2	Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định)			
a	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	60.000	
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	70.000	
c	Trên 40 chỉ tiêu	Đồng/phiếu	80.000	
3.3	Đối với tổ chức là cơ quan, đơn vị của nhà nước	Đồng/phiếu	Mức chi bằng 50% mức chi quy định tại tiểu mục 3.2 mục 3 phần XV	
4	Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa		Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia	
5	Chi xử lý kết quả điều tra (nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê)		Bằng 5% tiền công chi trả điều tra viên thống kê thu thập số liệu	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
XVI	Chi các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm soát thủ tục hành chính		Thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước	
XVII	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính		Chi theo quy định hiện hành bảo đảm có hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp	